TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HẢI HẬU** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 100/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 4 - 2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn giữa chị T và anh Đ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HẢI HẬU, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Trung Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Lịch;

Ông Mai Thanh Tùng.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Đính - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tham gia phiên tòa*:** Ông Nguyễn Thành Long - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Hải Hậu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2023/TLST–HNGĐ, ngày 09 tháng 02 năm 2023 về việc " Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 31/2023/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023, giữa:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1988; địa chỉ thường trú: Xóm 5, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; địa chỉ liên lạc: Xóm 7, xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Trần Đức Đ, sinh năm 1983; địa chỉ: Xóm 5, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

- *Người làm chứng:* Bà Trần Thị D, sinh năm 1965; địa chỉ: Xóm 7, xã H1, huyện H, tỉnh Nam Định. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 30/01/2023 và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Trần Đức Đ ngày 12/09/2007 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng sinh sống tại xóm 10, xã H. Đến năm 2015 thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh Đ thường xuyên uống

rượu say, nhiều lần chửi mắng, đe dọa và đánh đập chị; không chịu lao động làm ăn kinh tế. Từ ngày 20/01/2023 chị bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 7, xã H1 ở; vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định không thể hàn gắn được tình cảm nên đề nghị giải quyết cho ly hôn với anh Trần Đức Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Trần Phương T, sinh ngày 10/5/2008 và Trần Hoàng L, sinh ngày 16/02/2012. Hiện cháu cháu T đang ở với chị, cháu L đang ở với anh Đ. Nếu ly hôn, chị nhận trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu anh Đ phải cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại chị làm công nhân tại xã H, huyện H; có thu nhập từ khoảng 6.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng/tháng. Nếu nuôi con, mẹ con chị sẽ ở nhờ nhà bố mẹ đẻ chị tại xã H1, huyện H.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 13/3/2023, bị đơn anh Trần Đức Đ trình bày:

Anh thống nhất với chị Nguyễn Thị T về quá trình kết hôn và thời điểm xảy ra mâu thuẫn vợ chồng. Về nguyên nhân mâu thuẫn, anh công nhận có lỗi của anh chưa chịu khó lao động làm kinh tế, còn uống rượu say không làm chủ được bản thân nên có đánh chị T. Từ đầu tháng 02/2023, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã H1 ở. Đến nay anh vẫn mong muốn vợ chồng hòa giải, chị T suy nghị tha thứ cho lỗi lầm của anh quay về đoàn tụ, anh không muốn ly hôn.

Về con chung: Anh thống nhất vợ chồng có 02 con chung đúng như chị T trình bày. Nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh nhận nuôi cháu Trần Hoàng L. Hiện tại anh làm thợ xây tự do, thu nhập khoảng từ 7.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung của vợ chồng: Anh thống nhất với chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người làm chứng bà Trần Thị Dung trình bày: Bà là mẹ đẻ chị Nguyễn Thị T. Bà có biết nguyên nhân vợ chồng chị T, anh Đ mâu thuẫn là do anh Đ hay uống rượu say đánh chửi chị T. Ngày 20/01/2023, vợ chồng xảy ra đánh chửi nhau nên chị T đưa con về nhà bà ở nhờ. anh Đ có đến tìm chị T về nhưng lại gây sự đánh con trai bà nên Công an xã H1 phải đến can thiệp. Đến nay chị T xin ly hôn anh Đ thì gia đình bà cũng nhất trí. Nếu ly hôn, chị T nhận nuôi hai con và xin ở nhà bà thì bà đồng ý hỗ trợ chị T chăm sóc, nuôi dưỡng con.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hải Hậu tại phiên tòa phát biểu:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trước khi Hội đồng xét xử nghị án đều đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị T, xử cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Đức Đ. Giao hai con chung là Trần Phương T, sinh ngày 10/5/2008 và Trần Hoàng L, sinh ngày 16/02/2012 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng; anh Trần Đức Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T và người làm chứng bà Trần Thị D có yêu cầu xét xử vắng mặt; bị đơn anh Trần Đức Đ đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do. Căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt tất cả các đương sự và người làm chứng.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Đức Đ có quan hệ hôn nhân hợp pháp, có đăng ký kết hôn ngày 12/09/2007 tại UBND xã H, huyện H, tỉnh Nam Định. Sau khi cưới vợ chồng sinh sống tại xã H, huyện H. Trong quá trình chung sống, vợ chồng đã nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Đ hay uống rượu say và đánh chửi chị T, không quan tâm chăm sóc gia đình. Từ ngày 20/01/2023, chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại xóm 7, xã H1, huyện H ở, vợ chồng sống ly thân. Xét thấy, giữa chị T và anh Đ đã xảy ra mâu thuẫn căng thẳng và đã sống ly thân; đến nay chị T yêu cầu xin ly hôn, anh Đ mong muốn hòa giải đoàn tụ nhưng anh Đ cũng không đến Tòa án để tham gia hòa giải với chị T. Do đó nếu có tiếp tục duy trì thì mục đích của hôn nhân là hạnh phúc gia đình cũng không đạt được. Vì vậy cần giải quyết cho chị T và anh Đ được ly hôn là phù hợp với thực trạng của mâu thuẫn vợ chồng, phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị T và anh Đ thống nhất vợ chồng có 02 con chung chưa thành niên là Trần Phương T, sinh ngày 10/5/2008 và Trần Hoàng L, sinh ngày 16/02/2012; cháu T đang ở với chị T, còn cháu L ở với anh Đ. chị T có nguyện vọng trực tiếp nuôi hai con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng; còn anh Đ có nguyện vọng được nuôi 01 con là cháu Trần Hoàng L. Xét thấy, cả hai con đều có nguyện vọng được ở với chị T; hiện tại công việc của chị T làm công nhân tại địa phương có thu nhập ổn định hơn anh Đ làm nghề thợ xây tự do; mặt khác về điều kiện sức khỏe, tinh thần để chăm sóc cho con của chị T cũng tốt hơn anh Đ; mẹ đẻ anh Đ là bà Phạm Thị Liên cũng có ý kiến xác nhận và nhất trí để chị T nuôi hai con. Do đó để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chưa thành niên cần giao hai con chung là Trần Phương T và Trần Hoàng L cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình. chị T tự nguyện không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con nên anh Đ không phải cấp dưỡng. Do cháu Trần Hoàng L đang ở với anh Đ nên anh Đ có nghĩa vụ giao lại cháu L cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Về tài sản và nghĩa vụ về tài sản: Chị Nguyễn Thị T và anh Trần Đức Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản, nghĩa vụ về tài sản khi ly hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Trần Đức Đ.

2. Về con chung: Giao hai con chung là Trần Phương T, sinh ngày 10/5/2008 và Trần Hoàng L, sinh ngày 16/02/2012 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Đức Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hai bên có mọi quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định pháp luật.

Buộc anh Trần Đức Đ phải giao cháu Trần Hoàng L (hiện đang ở với anh Đ) cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn; được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006478 ngày 09/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hải Hậu. Chị Nguyễn Thị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND + VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện Hải Hậu;
- Chi cục THADS huyện Hải Hậu;
- UBND xã H;
- Hồ sơ vụ án + Văn phòng.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phạm Trung Kiên